BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Hoàng Thị Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI BÁN

TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tưởng

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Nhung Mã SV:1212401022

Lớp: QT1602K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

……..

……..

……..

……..

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

……..

……..

……..

……..

……..

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

……..

……..

……..

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên *Người hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong một Doanh nghiệp, người quản lý không chỉ quan tâm đến Doanh thu, chi phí, lợi nhuận của Doanh nghiệp mà còn cần nắm bắt được tình hình tài chính của Doanh nghiệp mình. Trong quá trình sản xuất kinh doanh luôn phát sinh các nghiệp vụ thanh toán và thu chi. Các khoản phải thu, phải trả cần một khoảng thời gian nhất định mới thanh toán được.

Tình hình tài chính của Doanh nghiệp thể hiện tình trạng tài chính của Doanh nghiệp tại một thời điểm, phản ánh kết quả của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phải xem xét tài chính, các nhà lãnh đạo trong Doanh nghiệp mới có thể ra quyết định ký kết hợp đồng, có đủ khả năng thanh toán đảm bảo an toàn và hiệu quả cho Doanh nghiệp.

Có thể nói, các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường được trang bị các kiến thức lý thuyết cơ bản và đặc biệt sau quá trình thực tập tại phòng kế toán của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt, em đã chọn đề tài " Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt" làm đề tài tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua và người bán
- Làmrõ thực trạng về công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu*: Tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.
- *Phạm vi nghiên cứu*: Tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp thống kê và so sánh.

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua và người bán trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán thanh toán

1.1.1. Các khái niệm:

Nghiệp vụ thanh toán là quan hệ giữa doanh nghiệp với các khách nợ, chủ nợ, ngân hàng, các tổ chức tài chính và các đối tác về các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Phân theo đối tượng thanh toán có rất nhiều các quan hệ thanh toán, trong đó: Quan hệ thanh toán với người mua và quan hệ thanh toán với người bán đóng vai trò rất quan trọng. Các nghiệp vụ thanh toán với người mua và người bán phát sinh thường xuyên nhất, nhiều nhất trong Doanh nghiệp và quy mô các nghiệp vụ thanh toán này chiếm tỷ trọng rất lớn trong các quan hệ thanh toán phát sinh trong Doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các Doanh nghiệp thương mại thì luồng tiền lưu chuyển trong hoạt động thanh toán với người mua, người bán chính là chu trình lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh.

- Kế toán thanh toán với người mua (quan hệ thanh toán giữa Doanh nghiệp với khách hàng) là quan hệ phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra bên ngoài.
- Kế toán thanh toán với người bán (quan hệ thanh toán với nhà cung cấp) là quan hệ phát sinh trong quá trình mua sắm vật tư, tài sản, hàng hóa, dịch vụ...

1.1.2. Phương thức thanh toán và hình thức hanh toán

Phương thức thanh toán là yếu tố rất quan trọng trong hoạt động thương mại, thông thường khi có giao dịch phát sinh thì hai bên đồng thời áp dụng phương thức thanh toán cho giao dịch đó. Các phương thức thanh toán mà doanh nghiệp thường sử dụng có thể chia thành thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Xu hướng của các Doanh nghiệp là hướng tới thanh toán không dùng tiền mặt,

hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong lưu thông, như vậy sẽ an toàn, tiết kiệm chi phí và doanh nghiệp sẽ quản lý việc thanh toán dễ dàng hơn.

a. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hoặc các giấy tờ có giá trị như tiền.

b. Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt.

Phương thức thanh toán này được các Doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong hoạt động kinh doanh thương mại. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt rất đa dạng, tùy theo tính chất của các hoạt động thanh toán mà các doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương thức thanh toán phù hợp nhất. Sau đây là một số phương thức thanh toán không dùng tiền mặt:

- *Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi)*

Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi) thường được các Doanh nghiệp sử dụng đối với các đối tượng có quan hệ mua bán với Doanh nghiệp từ trước và trong cùng một Quốc gia, đây là phương thức thanh toán có thủ tục đơn giản và tiện lợi cho Doanh nghiệp. Theo hình thức này thì chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu (chi) hộ với một số đối tượng nào đó do Doanh nghiệp chỉ định có tài khoản ở cùng ngân hàng hoặc khác ngân hàng.

Chứng từ thanh toán xuất hiện trong các phương thức này gồm có: Ủy nhiệm thu (chi), Giấy báo Có (Nợ).

- *Phương thức chuyển tiền*

Phương thức chuyển tiền là phương thức thanh toán trong đó người chuyển tiền yêu cầu ngân hàng của mình chuyển số tiền nhất định cho người hưởng lợi ở một

địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách yêu cầu hoặc bằng điện hoặc bằng thư.

Phương thức này đơn giản dễ thực hiện nhưng chỉ nên thực hiện với khách hàng quen biết vì có thể gặp phải rủi ro người bán không thu được tiền hàng trong trường hợp thanh toán sau và không đảm bảo người mua sẽ nhận được hàng trong trường hợp thanh toán trước

Bộ chứng từ thanh toán trong phương thức này gồm có: Hợp đồng thương mại, hóa đơn, Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

- *Phương thức thanh toán nhờ thu:*

Phương thức nhờ thu là phương thức mà người bán sau khi giao hàng thì ký phát hối phiếu đòi tiền người mua rồi đến ngân hàng nhờ thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu đó. Phương thức nhờ thu có 2 loại:

➢ Phương thức nhờ thu phiếu trơn: người ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền bán hàng ghi trên hối phiếu từ người mua mà không gửi kèm theo bất cứ chứng từ nào. Người bán sẽ gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua cùng lúc với việc gửi hàng hóa. Phương thức này chỉ áp dụng trong trường hợp người bán và người mua tin cậy nhau dưới dạng công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các chi nhánh. Do sự không đảm bảo quyền lợi cho người bán nên phương thức này ít được sử dụng trong thanh toán quốc tế.

➢ Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: Người bán sau khi giao hàng , ký phát hối phiếu và gửi kèm bộ chứng từ gửi hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua. Với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hoặc ký chấp nhận thanh toán. Phương thức thanh toán này mặc dù đã khắc phục được nhược điểm của nhờ thu phiếu trơn khống chế được quyền định đoạt hàng hóa của người mua.

Phương thức thanh toán nhờ thu có nhược điểm là khống chế được việc người mua có trả tiền hay không.Người mua có thể chậm trễ hoặc không thanh toán bằng việc trì hoãn nhận chứng từ hoặc không nhận hàng nữa. Thanh toán theo hình thức này thường chậm chạp do ngân hàng chỉ đóng vai trò thu tiền hộ còn không có trách nhiệm đến việc trả tiền của người mua.

Bộ chứng từ sử dụng trong phương thức thanh toán nhờ thu: Hối phiếu, Hóa đơn, Vận đơn, Bảng kê bao bì chi tiết.

- *Phương thức tín dụng chứng từ*

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng theo yêu cầu của người mở thư tín dụng sẽ trả một số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền trong thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng. Các loại thư tín dụng:

➢ Thư tín dụng có thể hủy ngang: là loại thư tín dụng mà ngân hàng và người mua có thể tự ý sửa đổi hoặc hủy bỏ bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước cho người bán.

➢ Thư tín dụng không thể hủy ngang: là loại thư tín dụng mà ngân hàng khi đã mở thư tín dụng phải chịu trách nhiệm trả tiền cho người bán trong thời hạn hiệu lực của thư tín dụng, không được quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ thư tín dụng đó nếu chưa được sự đồng ý của các bên liên quan.

➢ Thư tín dụng không thể hủy ngang có xác nhận: là loại thư tín dụng không thể hủy ngang được một ngân hàng đảm bảo trả tiền thư tín dụng theo yêu cầu của ngân hàng mở thư tín dụng. Ngân hàng xác nhận đảm bảo trả tiền chp người bán nếu như ngân hàng mở thư tín dụng không trả được tiền.

➢ Thư tín dụng không thể hủy ngang không thể truy đòi: là loại thư tín dụng không thể hủy bỏ mà sau khi người bán đã được ngân hàng trả tiền rồi nếu về sau có sự tranh chấp về chứng từ thanh toán thì người bán không phải truy hoàn lại số tiền đã nhận.

Phương thức thanh toán bằng thư tín dụng được sử dụng rất rộng rãi và ưu việt hơn cả trong các phương thức thanh toán thương mại quốc tế do đảm bảo được quyền lợi của cả hai bên bán và mua. Trong phương thức này ngân hh

hàng không chỉ là trung gian thanh toán như các phương thức khác nữa. Tuy nhiên khi áp dụng phương pháp này người mua và người bán vẫn có thể gặp những rủi ro:

Về phía người xuất khẩu, việc thanh toán có thể không thực hiện được do bộ chứng từ họ xuất trình không phụ hợp với quy định trong L/C. Khi đó nhà xuất khẩu phải tự chịu chi phí lưu kho bãi, bán đấu giá...cho đến khi vấn đề được giải quyết hoặc phải chở hàng về nước. Nhà xuất khẩu cũng có khả năng không được thanh toán nếu ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng xác nhận mất khả năng thanh toán.

Về phía nhà nhập khẩu: ngân hàng thanh toán dựa trên sự đầy đủ và hợp lệ của bộ chứng từ do nhà xuất khẩu xuất trình. Nếu nhà xuất khẩu gian lận làm giả chứng từ thì họ vẫn có khả năng được thanh toán mặc dù hàng hóa đã giao cho nhà nhập khẩu không đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại.

Bộ chứng từ thanh toán trong hình thức thanh toán này gồm có: Giấy đề nghị mở thư tín dụng, Hóa đơn, Vận đơn, Chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Chứng nhận chất lượng hàng hóa...

1.2. Kế toán thanh toán với người mua:

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua:

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần quán triệt các nguyên tắc sau:

Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.

Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo VNĐ. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

Tuyệt đôi không được bù trừ số dư hai bên Nợ, Có của Tài khoản 131 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng:

a. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng, hóa đơn bán hàng.

- Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn.

- Phiếu thu.

- Giấy báo có Ngân hàng.

- Biên bản bù trừ công nợ.

- Giấy nộp tiền.

- Biên bản thanh lý hợp đồng.

- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh

toán các khoản nợ phải thu của Doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành. Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (Có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

Số tiền còn phải thu của khách hàng

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c. Sổ sách sử dụng:

- Các sổ kế toán tổng hợp
- Các sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết TK 131

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

❖ *Doanh thu của khối tài sản, hàng hóa, bất động sản đầu tư xuất bán, dịch vụ đã được cung cấp được xác định là tiêu thụ. Kế toán ghi số tiền phải thu của khách hàng nhưng chưa thu:*

- Đối với hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

- Đối với hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 635- Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131- Phải thu của khách hàng.

❖ T*rường hợp giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại:*

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGt theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 521- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Có TK 131- Phải thu khách hàng.

- Nhận tiền ứng trước, trả trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 111, 112- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 131- Phải thu khách hàng

- Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ:

Nợ Tk 642- Chi phí quản lý Doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu khách hàng

1.2.4. Sơ đồ các nghiệp vụ thanh toán với người mua

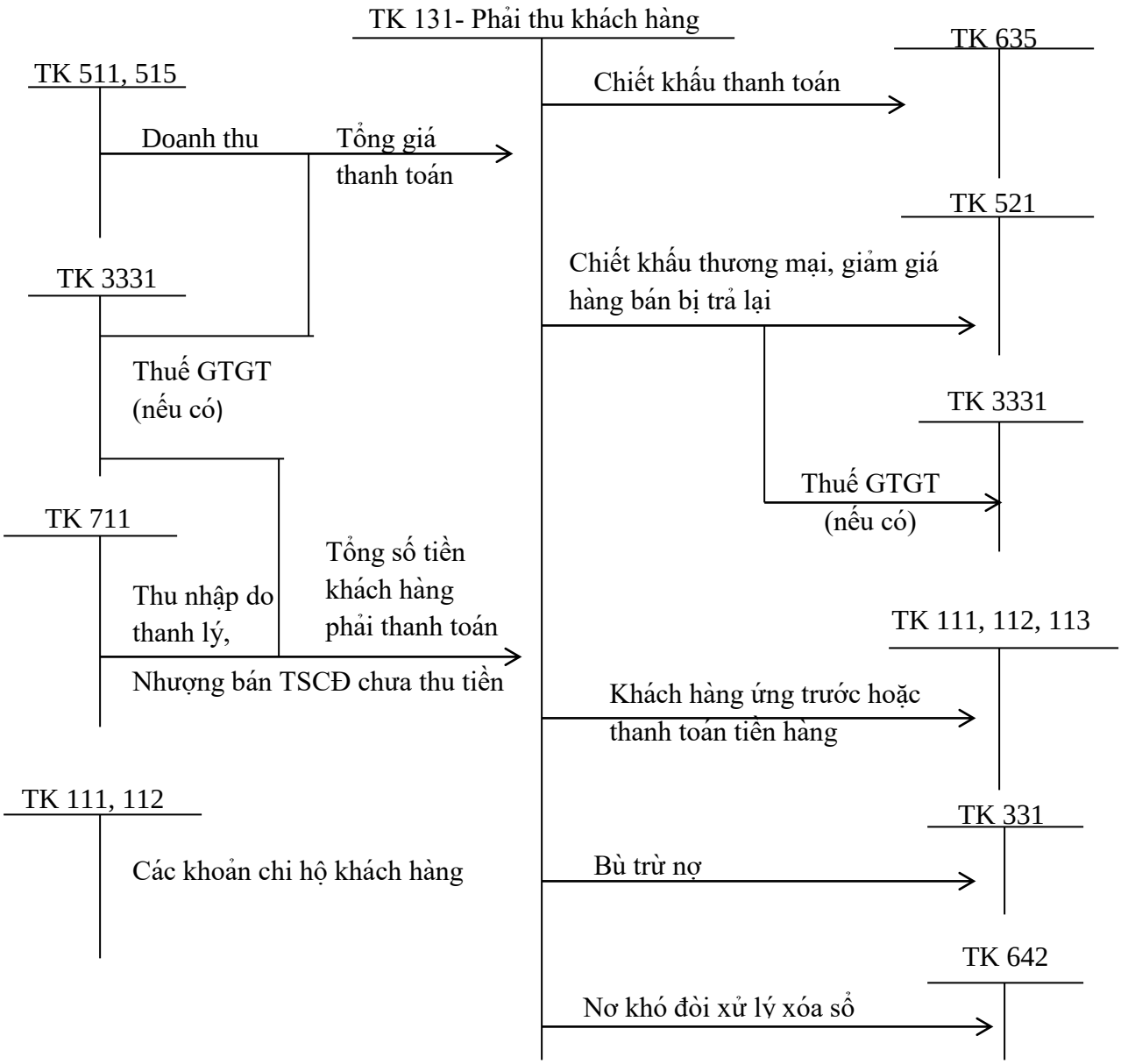

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng

1.3. Kế toán thanh toán với người bán.

1.3.1. Nguyên tắc thanh toán với người bán.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần quán triệt các nguyên tắc sau:

Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ

Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dòi cả nguyên tệ và quy đổi theo VNĐ. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết thep cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

Cần phải phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.

Tuyệt đối không được bù trừ số dư hai bên Nợ, Có của TK 331 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn mua hàng

- Biên bản kiểm nghiệm

- Phiếu nhập kho

- Biên bản đối chiếu công nợ

- Biên bản thanh lý hợp đồng.

- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 331- phải trả người bán

- TK 331 được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp lao vụ, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

TK 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.

- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho Doanh nghiệp giảm trừ và khoản nợ phải trả cho người bán.

- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên có:

Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên " tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c. Sổ sách sử dụng.

- Các sổ kế toán tổng hợp

- Sổ chi tiết và tổng hợp chi tiết TK 331

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

❖ *Trường hợp mua hàng hóa, nguyên liệu, công cụ dụng cụ(nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) chưa thanh toán với người bán, kế toán phản ánh:*

Nợ TK 156, 152, 153: Giá chưa thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Tổng giá thanh toán

Nếu vật tư, hàng hóa mua nhưng cuối tháng hàng chưa về nhập kho:

Nợ TK 151: Giá chưa thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGt được khấu trừ

Có TK 331: Tổng giá thanh toán

Sau đó, khi hàng hóa về nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 156, 152, 153: Giá chưa thuế

Có TK 331: Giá chưa thuế

Các khoản chi phí phát sinh trong qua trình mua vật tư, hàng hóa được tính vào giá thực tế của vật tư hàng hóa nhập kho:

Nợ TK 156, 152, 153: Giá chưa thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Tổng giá thanh toán

❖ *Nếu được bên bán cho hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại hàng cho một số vật tư đã mua thì kế toán ghi giảm giá nhập*:

Nợ TK 331:

Có TK 156, 152, 153:

Có TK 133:

1.3.4. Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán

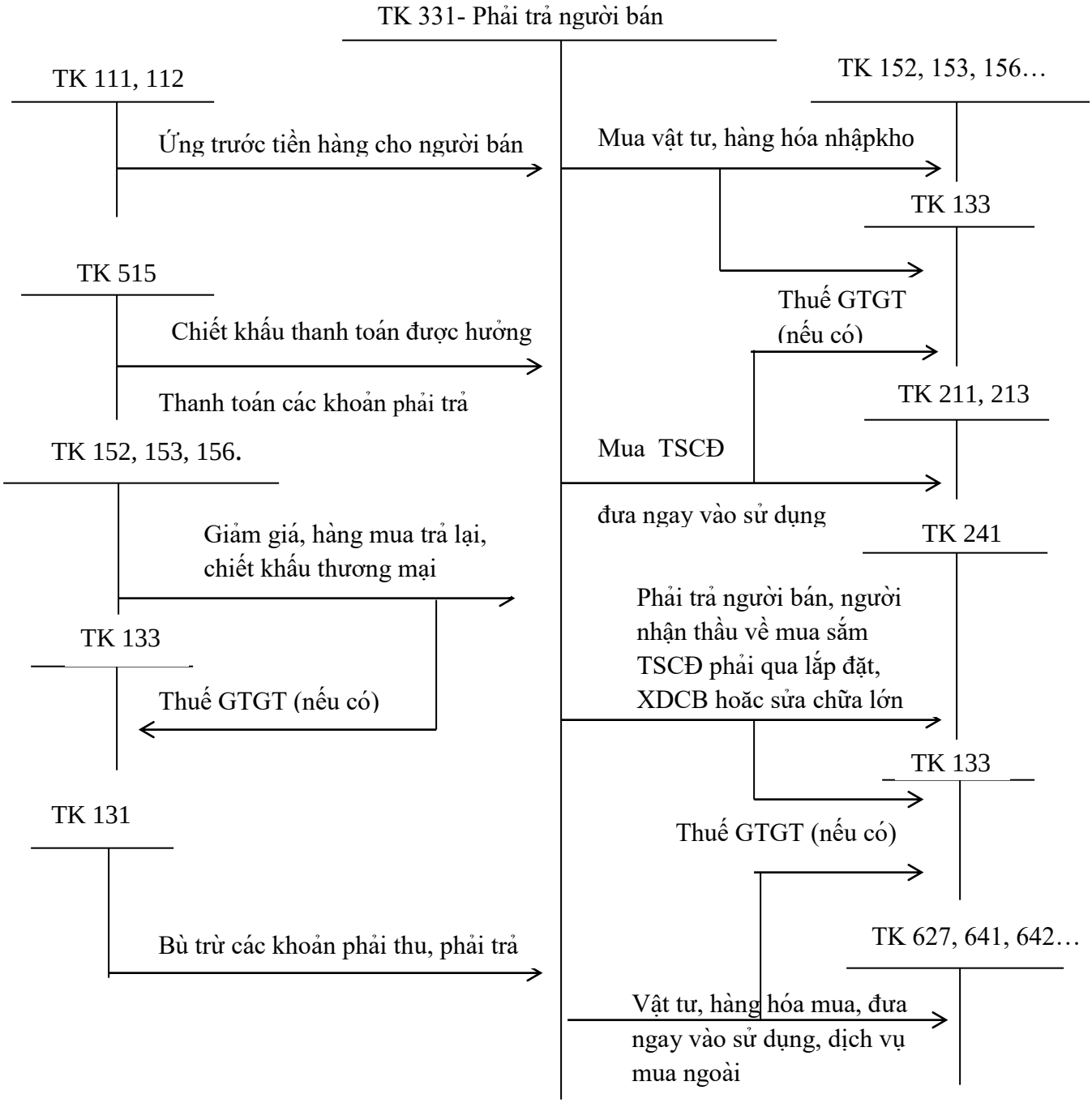

Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán

1.4: Các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1: Tỷ giá và các quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.

- Theo quan điểm của kinh tế học hiện đại: Tỷ giá là tỷ lệ so sánh ngang giá vàng giữa hai đồng tiền của hai nước, là hệ số chuyển đổi giữa đơn vị tiền tệ nước này sang đơn vị tiền tệ nước khác

- Việc hạch toán ngoại tệ trong kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán. Về nguyên tắc, doanh nghiệp phải căn cứ vào Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế (được gọi tắt là Tỷ giá giao dịch) để ghi sổ kế toán

- Đối với các TK thuộc loại doanh thu, thu nhập, chi phí, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, bên Nợ các khoản vốn bằng tiền, các TK nợ phải thu hoặc bên Có các TK nợ phải trả. Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải ghi sổ kế toán theo Tỷ giá giao dịch

- Đối với bên Có của các TK vốn bằng tiền,các tài khoản nợ phải thu và bên Nợ của các TK Nợ phải trả khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được ghi sổ kế toán theo Tỷ giá ghi trên Sổ kế toán (Tỷ giá xuất quỹ tính theo một trong các phương pháp Bình quân gia quyền, Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước), Tỷ giá ghi nhận nợ

- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Nếu mua bán ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì hạch toán theo Tỷ giá thực tế mua, bán.

1.4.2: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

a. Tài khoản sử dụng

- TK 131- Phải thu khách hàng

- TK 331- Phải trả người bán

- TK 635- Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kỳ hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b. Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ:

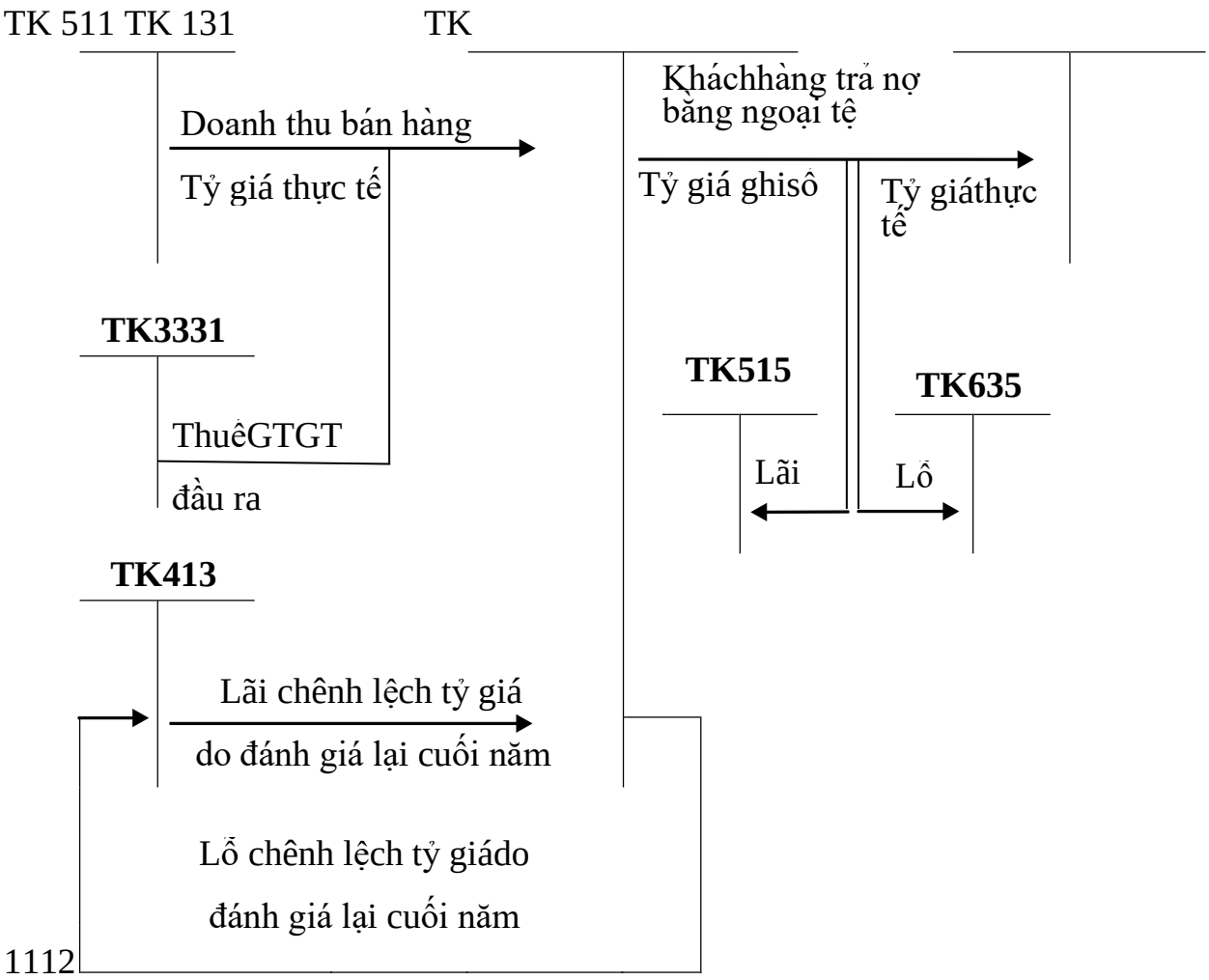

Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ

c.Sơ đồ hạch toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ.

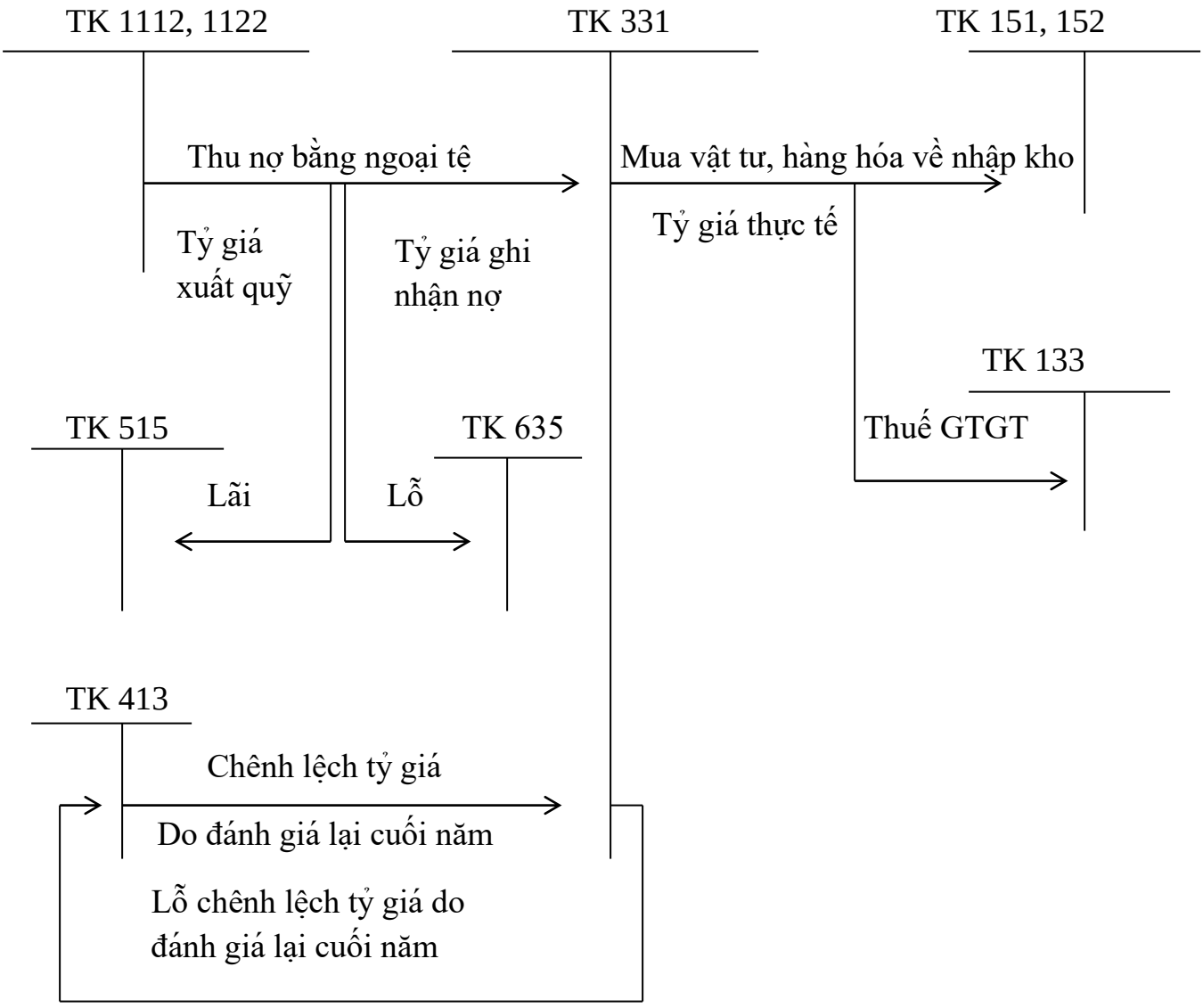

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ

1.5. Vận dụng các hình thức kế toán trong kế toán thanh toán

1.5.1.Hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ, loại hình hoạt động đơn giản, trình độ cán bộ kế toán và cán bộ quản lý ở mức độ khá. Dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian đươc phản ánh vào một quyển sổ gọi là sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào Sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ cái.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua và người bán theo hình thức Nhật ký chung.

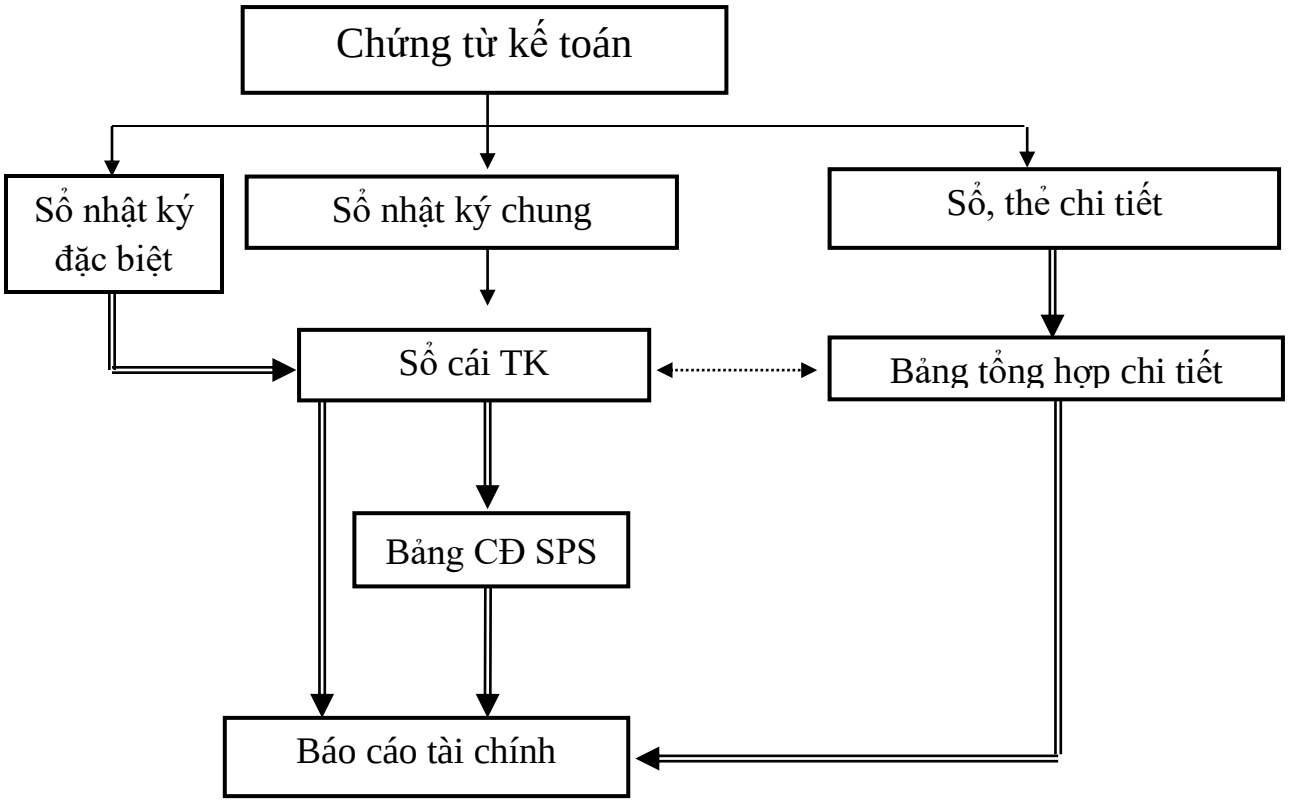

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, bán theo hình thức Nhật ký chung

1.5.2. Hình thức nhật ký chứng từ

1.5.3. Hình thức Nhật ký sổ cái

1.5.4. Hình thức chứng từ ghi sổ

1.5.6. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT

2.1: Khái quát chung về công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt được thành lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

Thông tin về công ty:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Tên giao dịch:KHOI DAT TCCO.,LTD

- Địa chỉ trụ sở: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3722169
- Mã số thuế: 0201284263

Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng.
- Xây dựng nhà các loại
- Lắp đặt hệ thống nước.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

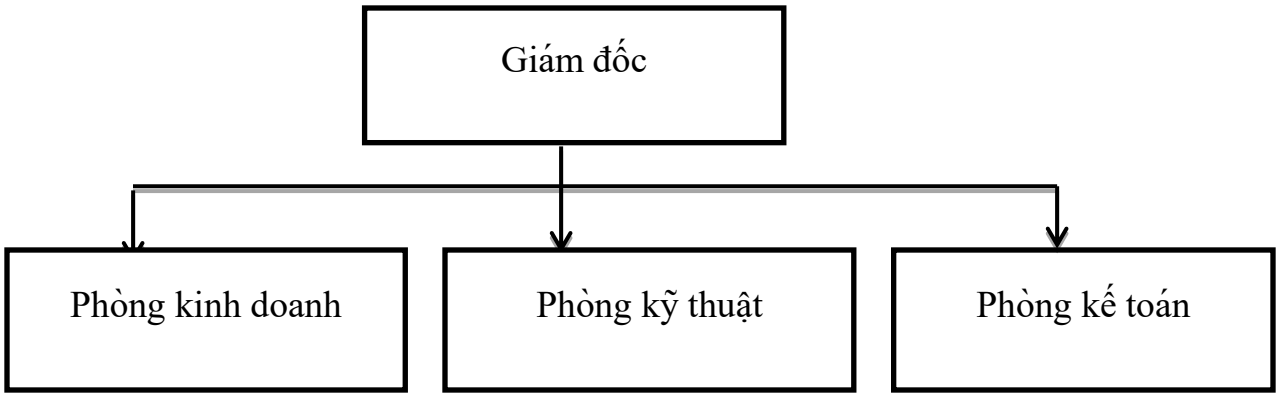

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

❖ Giám đốc: Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

❖ Phòng kinh doanh: Tên gọi chung của bộ phận thuộc doanh nghiệp trực tiếp chịu trác nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị- bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của Doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu về doanh số hay thị phần...

❖ Phòng kỹ thuật:

- Hỗ trợ, triển khai sản phẩm mới về mặt kỹ thuật xây lắp.
- Quản lý và đưa ra các chỉ thị liên quan về kỹ thuật cho các quy trình công đoạn xây lắp.
- Tiến hành phân tích lỗi các loại nguyên liệu để các phòng ban liên quan hay nhà cung cấp có thể tiến hành cải tiến khắc phục lỗi.

❖ Phòng kế toán: Thực hiện công tác tổng hợp báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo ra bên ngoài cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các hoạt động đó theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

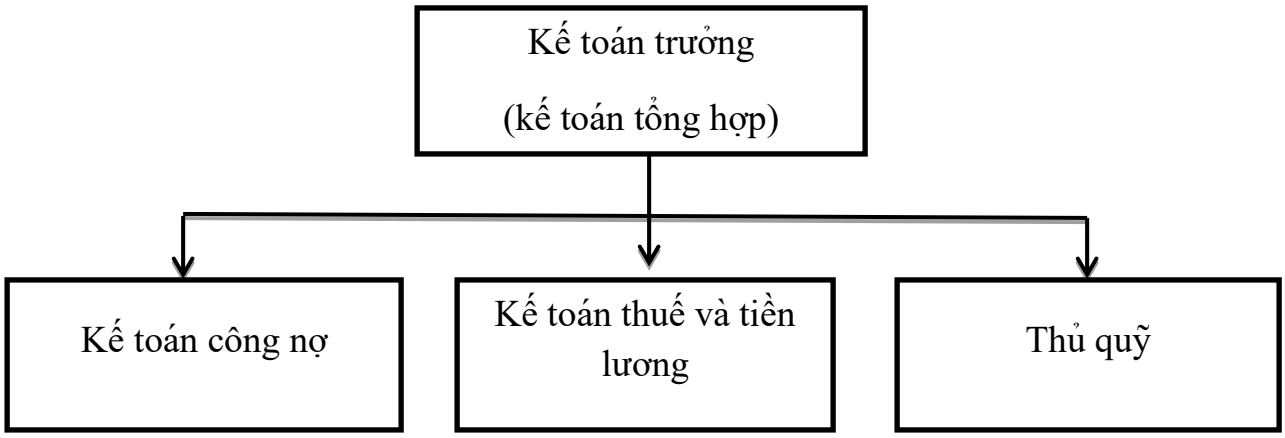

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

❖ Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc và công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của kế toán trưởng.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.
- Lập Báo cáo tài chính.

❖ Kế toán công nợ:

- Nhận hợp đồng kinh tế của các bộ phận
- Kiểm tra nội dung, các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến điều khoản thanh toán.
- Thêm mã khách hàng, mã nhà cung cấp mới đối với các khách hàngmới.
- Sửa mã trên đối với khách hàng, nhà cung cấp có sự thay đổi.

- **N**hận đề nghị xác nhận công nợ với khách hàng, nhà cung cấp.
- Xác nhận hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán.
- Khách hàng mua hàng theo từng đề nghị và dựa trên hợp đồng nguyên tắc bán hàng đã ký, kiểm tra giá trị hàng mà khách hàng muốn mua, hạn mức tín dụng và thời hạn thanh toán mà công ty chấp nhận cho từng khách hàng.
- Khách hàng mua hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký, kiểm tra về số lượng hàng, chủng loại hàng hóa, phụ kiện đi kèm, giá bán, thời hạn thanh toán.
- Kiểm tra chi tiết công nợ của từng khách hàng theo từng chứng từ phát sinh công nợ, hạn thanh toán, số tiền đã quá hạn, báo cho bộ phận bán hàng, cán bộ thu nợ và cán bộ quản lý cấp trên.
- Theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, khi khách hàng trả tiền tách các khoản nợ theo hợp đồng, theo hóa đơn bán hàng.
- Đôn đốc và trực tiếp tham gia thu hồi nợ với các khoản công nợ khó đòi, nợ lâu, và các khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp đã quá thời hạn nhập hàng hoặc nhận dịch vụ.
- Lập bút toán kết chuyển công nợ hàng hóa, dịch vụ đối với các chi nhánh/ công ty.
- Định kỳ làm xác nhận công nợ với các chi nhánh/công ty.
- Lập thông báo thanh toán công nợ.
- Lập báo cáo tình hình thực hiện các hợp đồng, thông tin chung về công nợ.
- Kiểm tra các số liệu công nợ để lập biên bản xác nhận công nợ đối với từng khách hàng, từng nhà cung cấp.

❖ Kế toán thuế và tiền lương:

- Trực tiếp làm việc cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT đầu ra của toàn công ty, phân loại theo thuế suất.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động.
- Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH) , bảo hiểm y tế (BHYT) và kinh phí công đoàn (KPCĐ). Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

❖ Thủ quỹ:

- Thực hiện thu, chi tiền mặt, ngân phiếu thanh toán và các loại ngoại tệ. Kiểm tra , kiểm soát các loại chứng từ trước khi thu, chi: chữ ký, chứng minh thư nhân dân, số tiền...
- Đối chiếu bảng kê thu, chi tiền khớp đúng với chứng từ và thực tế..., đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán.
- Kiểm tra phát hiện tiền giả, lập biên bản thu giữ theo đúng quy định hiện hành. Chọn lọc tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, lạt/ bó tiền theo quy định.
- Hướng dẫn khách hàng làm thủ tục nộp/ lĩnh tiền, giải đáp mọi thắc mắc cho khách hàng về các nghiệp vụ liên quan. Nhập số liệu vào máy, cân quỹ cuối ngày.
- Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.

❖ Chính sách kế toán chủ yếu áp dụng tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt:

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành Chế độ Kế toán Doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12
- Kỳ hạch toán: theo tháng
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp tính thuế GTGT: Khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao cho TSCĐ: Khấu hao đường thẳng
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

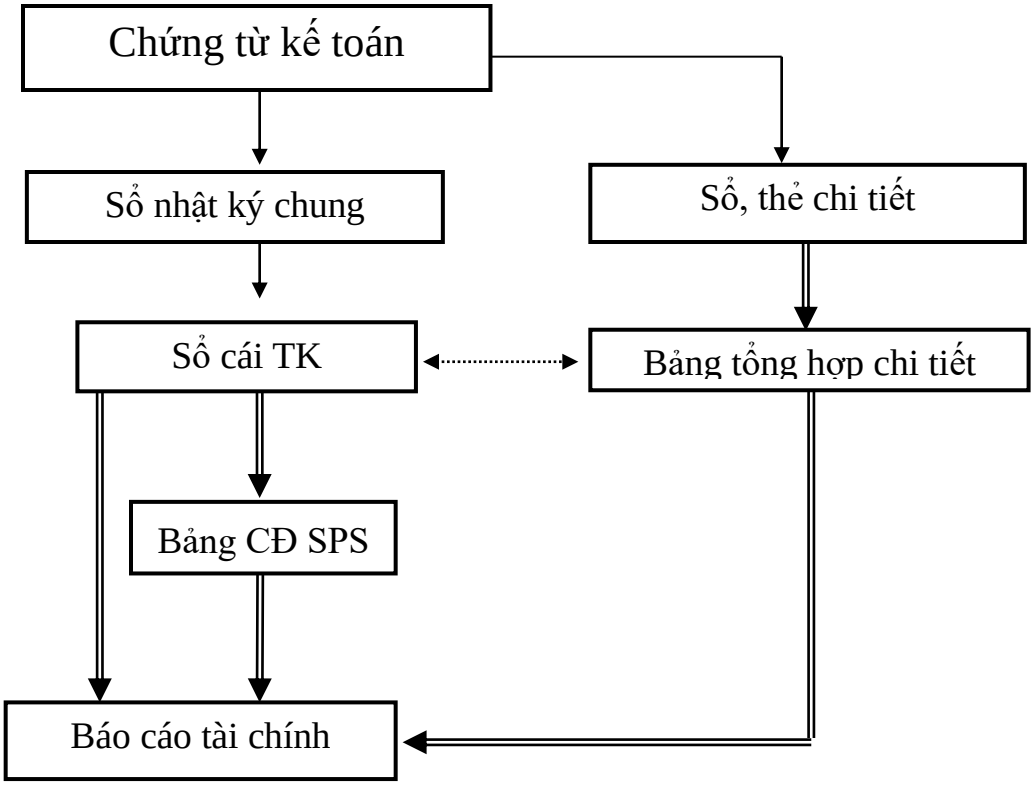

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi định kỳ cuối tháng: ⟹

Đối chiếu: ◄·····►

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán công nợ theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2.1. Đặc điểm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của Doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú nhưng về cơ bản có thể chia thành thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Trong hai loại thanh toán trên thì thanh toán bằng tiền mặt đang ngày càng thu hẹp và nhường chỗ cho thanh toán không dùng tiền mặt bởi những tiện ích mà nó mang lại. Thanh toán không dùng tiền mặt tiết kiệm thời gian, an toàn đồng thời giảm lượng tiền mặt trong lưu thông giúp Nhà nước kiểm soát lạm phát do thừa tiền.

Hình thức áp dụng chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản. Thanh toán bằng chuyển khoản gồm chủ yếu là thanh toán bằng ủy nhiệm thu và ủy nhiệm chi. Những giao dịch và việc thanh toán bằng tiền mặt là không an toàn thì sẽ sử dụng phương pháp này. Trong hình thức này thì Ngân hàng sẽ đóng vai trò là trung gian thực hiện việc thanh toán giữa công ty với người bán và người mua và thu phí chuyển khoản. Nhìn chung hầu hết các hoạt động thanh toán đều được công ty thực hiện bằng chuyển khoản, hạn chế mức thấp nhất việc thanh toán bằng tiền mặt.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu thu

- Giấy báo có

- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 131 và các TK có liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 131
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua TK 131
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua TK 131

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người mua tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2015 bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại Trung Nguyên theo HĐ GTGT 0000256 (Biểu 2.1) trị giá 84.150.000 (bao gồm thuế GTGT 10%), chưa thanh toán.

- Kế toán dựa vào HĐ GTGT 0000256 (Biểu 2.1) ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
- Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5) kế toán ghi Sổ cái TK 131
- Để theo dõi chi tiết công nợ, kế toán căn cứ vào HĐ GTGT 0000256 (Biểu 2.1) ghi Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty Cổ phần Thương mại Trung Nguyên)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000256

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Mẫu số**: 01GTKT3/001
Liên 3: Lưu nội bộ **Ký hiệu**: AA/15P
Ngày 03 tháng 12 năm 2015 **Số**: 0000256

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt**
Mã số thuế: 0201284263
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.
Số điện thoại: 031.3722169
TK: 3409678 Ngân hàng Á Châu- ACB- chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vi: Công ty Cổ phần Thương mại Trung Nguyên
Mã số thuế: 0200947126
Địa chỉ: Số 21/633 Thiên Lôi- Phường Vĩnh Niệm- Quận Lê Chân- TP. Hải Phòng
Hình thức thanh toán: Số TK:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Gạch men lát nền F25A11	M^2	300	255.000	76.500.000

Cộng tiền hàng:76.500.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:7.650.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 84..150.000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi tư triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 08/12/2015 bán hàng cho đại lý Văn Bình theo HĐ GTGT 0000259 (Biểu số 2.2) trị giá 30.800.000 (bao gồm thuế GTGT 10%)

- Kế toán dựa vào HĐ GTGT 0000259 (Biểu số 2.2) ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
- Căn cứ vào số liệu Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5), kế toán ghi Sổ cái 131
- Để theo dõi chi tiết công nợ, kế toán căn cứ vào HD GTGT 0000259 (Biểu số 2.2) ghi Sổ chi tiết thanh toán với người mua (đại lý Văn Bình)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000259

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Mẫu số**: 01GTKT3/001
Liên 3: Lưu nội bộ **Ký hiệu**: AA/15P
Ngày 08 tháng 12 năm 2015 **Số**: 0000259

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt**
Mã số thuế: 0201284263
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.
Số điện thoại: 031.3722169
TK: 3409678 Ngân hàng Á Châu- ACB- chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Đại lý Văn Bình
Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ: Số 20 Trung Hành 5- quận Hải An- TP. Hải Phòng
Hình thức thanh toán: TM/CK Số TK:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Gạch 2 lỗ	viên	20000	1.400	28.000.000

Cộng tiền hàng:28.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 2.800.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 30.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2015 Công ty TNHH San Gong thanh toán 19.800.000 bằng chuyển khoản

- Kế toán dựa vào Giấy báo có (Biểu số 2.3) để ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
- Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5), kế toán ghi Sổ cái TK 131
- Để theo dõi chi tiết công nợ, kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty TNHH San Gong)

Biểu 2.3: Giấy báo có của Ngân Hàng ACB

Ngan hang A Chau
Chi nhanh: ACB- CN Hai Phong

GIAY BAO CO
Ngay: 15- 12- 2015

Ma GDV:
Ma KH: 44094
So GD:

Kinh goi: Cong ty TNHH xay lap thuong mai Khoi Dat
Ma so thue: 0201284263
Hom nay, chung toi da ghi CO tai khoan cua quy khach hang voi noi dung như sau:
So tai khoan ghi CO: 3409678
So tien bang so: 19.800.000
So tien bang chu: muoi chin trieu tam tram nghin dong chan
Noi dung: Thanh toan tien hang cho Cong ty TNHH xay lap thuong mai Khoi Dat

Giao dich vien Kiem soat

Ví dụ 4: Ngày 18/12/2015 Công ty Cổ phần thương mại Trung Nguyên thanh toán 50.000.000 chuyển khoản

- Kế toán dựa vào GBC (Biểu số 2.4) để ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5)
- Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5), kế toán ghi Sổ cái TK 131
- Để theo dõi chi tiết công nợ, kế toán căn cứ vào GBC ghi Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty Cổ phần Thương mại Trung Nguyên)

Biểu 2.4: Giấy báo có của Ngân hàng ACB

Ngan hang A Chau	**GIAY BAO CO**	Ma GDV:
Chi nhanh: ACB- CN Hai Phong	Ngay: 19- 12- 2015	Ma KH: 44094
		So GD:

Kinh goi: Cong ty TNHH xay lap thuong mai Khoi Dat

Ma so thue: 0201284263

Hom nay, chung toi da ghi CO tai khoan cua quy khach hang voi noi dung như sau:

So tai khoan ghi CO: 3409678

So tien bang so: 50.000.000

So tien bang chu: Nam muoi trieu dong chan

Noi dung: Thanh toan tien hang cho Cong ty TNHH xay lap thuong mai Khoi Dat

Giao dich vien Kiem soat

Căn cứ vào các biểu (HĐ0000256 biểu số 2.1, HDD0000259 biểu số 2.2, GBC biểu số 2.3,GBC biểu số 2.4) kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung như biểu 2.5

Biểu 2.5: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
…	…	…	…	…	…	…
03/12	HĐ0000256	03/12	Bán hàng cho Công ty Trung Nguyên	131	84.150.000	
				511		76.500.000
				3331		7.650.000
…	…	…	…	…	…	…
08/12	HĐ0000259	08/12	Bán hàng cho đại lý Văn Bình	131	30.800.000	
				511		28.000.000
				3331		2.800.000
…	…	…	…	…	…	…
15/12	GBC	15/12	Nhà hàng San Gong thanh toán tiền	112	19.800.000	
				131		19.800.000
...	...	...	...	...	...	...
19/12	GBC	19/12	Công ty Trung Nguyên thanh toán tiền hàng	111	50.000.000	
				131		50.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**24.640.120.148**	**24.640.120.148**

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.5) kế toán ghi vào Sổ cái TK 131

Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2015
Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Số hiệu: 131

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		**562.343.254**	
			Số phát sinh			
…	…	…	…	…	…	…
03/12	HĐ0000256	03/12	Bán hàng cho công ty Trung Nguyên	511	76.500.000	
				3331	7.650.000	
...	...	...	...	...	...	...
08/12	HĐ0000259	08/12	Bán hàng cho đại lý Văn Bình	511	28.000.000	
				3331	2.800.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/12	GBC	15/12	Nhà hàng San Gong thanh toán tiền	112		19.800.000
...	...	...	...	...	...	...
19/12	GBC	19/12	Công ty Trung Nguyên thanh toán tiền	112		50.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh tháng 12		**652.235.243**	**568.228.899**
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**6.354.210.500**	**6.067.228.092**
			Số dư cuối năm		**849.325.662**	

Căn cứ vào HDD0000256 (Biểu 2.1), GBC ngày 19/12 (Biểu 2.4) kế toán ghi Sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty Trung Nguyên

Biểu 2.7: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty Trung Nguyên)

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S15- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12/2015

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty Trung Nguyên

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				**234.866.200**	
03/12	HĐ0000259	03/12	Bán hàng chưa thu tiền	511	76.500.000		311.366.200	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	7.650.000		319.016.200	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
19/12	GBC	19/12	Thanh toán tiền hàng	112		50.000.000		50.000.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		84.150.000	50.000.000		
			Số dư cuối kỳ				**269.016.200**	

Căn cứ vào HDD0000259 (Biểu 2.2), kế toán ghi Sổ chi tiết TK 131 mở cho đại lý Văn Bình

Biểu 2.8: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (đại lý Văn Bình)

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt **Mẫu số S13- DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12/2015

Tài khoản: 131

Đối tượng: đại lý Văn Bình

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				**62.300.000**	
…	…	…	**…**	…	…	…	…	…
08/12	HĐ0000256	08/12	Bán hàng chưa thu tiền	511	28.000.000		90.300.000	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	2.800.000		93.100.000	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		30.800.000			
			Số dư cuối kỳ				**93.100.000**	

Căn cứ vào GBC (Biểu 2.3) kế toán ghi Sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty San Gong

Biểu 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty San Gong)

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt **Mẫu số S13- DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12/2015

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty San Gong

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				**10.500.000**	
…	…	…	**…**	…	…	…	…	…
15/12	GBC	15/12	Thanh toán tiền hàng	112		19.800.000		19.800.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh			19.800.000		
			Số dư cuối kỳ				**30.300.000**	

Căn cứ vào các sổ chi tiết mở cho TK 131, kế toán mở bảng tổng hợp TK 131 vào cuối tháng.

Biểu 2.10: Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131

Tháng 12/2015

STT	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
6	131_TN	Công ty Cổ phần Thương mại Trung Nguyên	234.866.200		84.150.000	50.000.000	269.016.200	
7	131_HVB	Ông Hoàng Văn Bình	62.300.000		30.800.000		93.100.000	
8	131_SG	Công ty TNHH San Gong	10.500.000			19.800.000	30.300.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	423.325.662		1.276.500.000	850.500.000	**849.325.662**	

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331 và các tài khoản có liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán TK 331
- Bảng tổng hợp thanh toán với người bán TK 331
- Sổ cái TK 331
- Sổ Nhật ký chung

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người bán

Ví dụ 5: Ngày 08/12/2015 mua xi măng vincem theo HĐ GTGT 0002450 (Biểu số 2.11) trị giá 294.800.000 (Thuế GTGT 10%)

- Kế toán dựa vào HĐ GTGT 0002450 (Biểu số 2.11) ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Căn cứ vào số liệu Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16), kế toán ghi Sổ cái 331
- Để hạch toán chi tiết, kế toán dựa vào HD GTGT 0002450 (Biểu số 2.11) ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán (công ty xi măng Vincem)

Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT số 0002450

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Mẫu số**: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho khách hàng **Ký hiệu**: AA/15P
Ngày 08 tháng 12 năm 2015 **Số**: 0002450

Đơn vị bán hàng: **Công TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng**
Mã số thuế: 0200155219-012
Địa chỉ: Số 195 đường Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Số điện thoại: 0313.525.304
TK:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Mã số thuế:0201284263
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: CK/TM Số TK:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Xi măng Vicem	tấn	200	1.340.000	268.000.000

Cộng tiền hàng: 268.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 26.800.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 294.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín tư triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 6: Ngày 17/12/2015 mua gạch 2 lỗtheo HĐ GTGT 0000984 (Biểu số 2.12) trị giá 15.400.000 (Thuế GTGT 10%)

- Kế toán dựa vào HĐ GTGT 0000984 (Biểu số 2.12) ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Căn cứ vào số liệu Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16), kế toán ghi Sổ cái 331
- Để hạch toán chi tiết, kế toán dựa vào HD GTGT 0000984 (Biểu số 2.12) ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty Long Hưng)

Biểu 2.12: Hóa đơn GTGT số 0000984

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Mẫu số**: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho khách hàng **Ký hiệu**: AA/15P
Ngày 17 tháng 12 năm 2015 **Số**: 0000984

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH gạch Long Hưng**
Mã số thuế: 0201655158
Địa chỉ: Số 5/253 Phương Lưu 2, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng
Số điện thoại: 0313.635.268
TK:

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Mã số thuế:0201284263
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: CK/TM Số TK:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Gạch 2 lỗ	viên	10.000	1.400	14.000.000

Cộng tiền hàng:14.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1.400.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 15.400.000

Số tiền viết bămuow014141 Mười năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)
Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)
Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ví dụ 7: Ngày 15/12/2015 thanh toán 200.000.000 cho công ty xi măng Vicem bằng chuyển khoản

- Kế toán dựa vào ủy nhiệm chi (Biểu số 2.13), Giấy báo Nợ (Biểu số 2.14) ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16) kế toán ghi Sổ Cái TK 331 (Biểu số 2.)

Để hạch toán chi phí, kế toán dựa vào Ủy nhiệm chi (Biểu số 2.13), Giấy báo Nợ (Biểu số 2.14) để ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty xi măng Vicem)

Biểu 2.13: Ủy nhiệm chi của Ngân hàng ACB

ỦY NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER Số/ No:

Ngày/ Date:15/12/2015

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICANT

Tên tài khoản/ Acct's Name: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Số tài khoản/ Acct No: 3409678 Tại Ngân hàng Á Châu_Chi nhánh Hải Phòng

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG / BENEFICIARY

Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary:

☐ Số tài khoản/ Acct No:

☐ CMND/ Hộ chiếu/ ID card/ PP No: ……Ngày cấp/ Date: …/../20.. Nơi cấp/ Place:

Tại Ngân hàng/ Beneficiary's Bank: Tỉnh/TP/ Province, city: Hải Phòng

Số tiền viết bằng chữ/ Amount in words:Hai trăm triệu đồng chẵn Bằng số: 200.000.000

In figures

Nội dung/ Details: Trả tiền hàng theo HĐ0002170

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT		NGÂN HÀNG Á CHÂU/ ACB		NGÂN HÀNG B/ B BANK	
		Ghi sổ ngày/ Post Date:		Ghi sổ ngày/ Post Date:	
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	15/12/2015		15/12/2015	
Chief Accountant	Account Holder	Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Giao dịch viên	Trưởng đơn vị
		Teller	Supervisor	Teller	Manager

Biểu số 2.14: Giấy Báo Nợ của ngân hàng ACB

Ngan hang A Chau
Chi nhanh: ACB- CN Hai Phong

GIAY BAO NO
Ngay: 15- 12- 2015

Ma GDV:
Ma KH: 44094
So GD:

Kinh goi: Cong ty TNHH xay lap thuong mai Khoi Dat
Ma so thue: 0201284263
Hom nay, chung toi da ghi NO tai khoan cua quy khach hang voi noi dung như sau:
So tai khoan ghi NO: 3409678
So tien bang so: 200.000.000
So tien bang chu: Hai tram trieu dong chan
Noi dung: Chuyen khoan tra tien hang cho cong ty xi mang Vicem

Giao dich vien Kiem soat

Ví dụ 8: Ngày 25/12/2015 thanh totams15.400.000 cho công ty TNHH gạch Long Hưng theo phiếu chi số 45

- Kế toán dựa vào phiếu chi số 45 (Biểu số 2.15), ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16)
- Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16) kế toán ghi Sổ Cái TK 331 (Biểu số 2.)
- Để hạch toán chi phí, kế toán dựa vào Phiếu chi (Biểu số 2.15), để ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH gạch Long Hưng)

Biểu 2.15: Phiếu chi số 45

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng.

Mẫu số 02- TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 25/ 12/ 2015

Quyển số:
Số:
Nợ TK 111
Có TK 131

Họ tên người nhận tiền: Bùi Thu Hương
Địa chỉ: Công ty TNHH gạch Long Hưng
Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH gạch Long Hưng
Số tiền: 15.400.000 Viết bằng chữ: Mười năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo:

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Thủ quỹ	**Kế toán trưởng**	**Người nhận tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Căn cứ vào các chứng từ HDD0002450 (Biểu 2.11), HĐ 0000984(Biểu 2.12), UNC ngày 15/12/2015 (Biểu 2.13), GBN ngày 15/12/2015 (Biểu 2.14), Phiếu chi số 45 (Biểu 2.15) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16)

Biểu 2.16. Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ- Phường Vạn Mỹ- Quận Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015 Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
…	…	…	…	…	…	…
08/12	HĐ0002450	08/12	Mua xi măng của công ty Xi măng Vicem Hải Phòng	156	268.000.000	
				133	26.800.000	
				331		294.800.000
…	…	…	…	…	…	…
17/12	HĐ0000984	17/12	Mua gạch 2 lỗ của công ty gạch Long Hưng	156	14.000.000	
				133	1.400.000	
				331		15.400.000
…	…	…	…	…	…	…
15/12	UNC GBN	15/12	Thanh toán tiền cho công ty Vicem	331	200.000.000	
				112		200.000.000
…	…	…	…	…	…	…
25/12	PC45	25/12	Thanh toán tiền cho công ty gạch Long hưng	331	15.400.000	
				111		15.400.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**24.640.120.148**	**24.640.120.148**

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16), kế toán ghi vào Sổ cái TK 331 (Biểu 2.17)

Biểu 2.17: Trích Sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2015
Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Số hiệu: 331

Đơn vị tính: VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			**62.097.600**
			Số phát sinh			
08/12	HĐ0002450	08/12	Mua xi măng của công ty Xi măng Vicem Hải Phòng	156		268.000.000
				133		2.680.000
...	...	...	...	...	...	...
17/12	HĐ0000984	17/12	Mua gạch 2 lỗ của công ty gạch Long Hưng	156		14.000.000
				133		1.400.000
...	...	...	...	...	...	...
15/12	GBN	15/12	Thanh toán tiền cho công ty Vicem	112	200.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	PC45	25/12	Thanh toán tiền cho công ty gạch Long hưng	111	15.400.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh tháng 12		523.682.280	645.468.902
			Cộng lũy kế từ đầu năm		**8.792.045.890**	**9.754.980.243**
			Số dư cuối năm			**1.825.031.953**

Căn cứ vào HĐ 0002450 (Biểu 2.11) và UNC ngày 15/12/2015 (Biểu 2.13), kế toán ghi sổ chi tiết TK 331 mở cho Công ty xi măng Vicem

Biểu 2.23: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty xi măng Vicem)

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt **Mẫu số S13- DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 12/2015

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty xi măng Vicem

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					**750.620.000**
…	…	…	**…**	…	…	…	…	…
08/12	HĐ0002450	08/12	Mua xi măng	156		268.000.000		1.018.620.000
			Thuế GTGT đầu vào	133		26.800.000		1.045.420.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
15/12	GBC	15/12	Thanh toán tiền hàng	112	200.000.000		200.000.000	
…	…	…	…	…	….	…	…	…
			Cộng phát sinh		200.000.000	294.800.000		
			Số dư cuối kỳ					**845.420.000**

Căn cứ vào HĐ 0000984 (Biểu 2.12) và PC45(Biểu 2.15), kế toán ghi sổ chi tiết TK 331 mở cho Công ty TNHH gạch Long Hưng

Biểu 2.24: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH gạch Long Hưng)

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt **Mẫu số S13- DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 12/2015

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH gạch Long Hưng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					**24.450.000**
…	…	…	**…**	…	…	…	…	…
17/12	HĐ0000984	17/12	Mua gạch 2 lỗ	156		14.000.000		14.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	133		1.400.000		15.400.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
25/12	GBC	25/12	Thanh toán tiền hàng	111	15.400.000		15.400.000	
…	…	…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		15.400.000	15.400.000		
			Số dư cuối kỳ					**24.450.000**

Biểu 2.20: Trích Bảng tổng hợp chi tiết TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 331

Tháng 12/2015

STT	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…	…	…
9	331_VC	Công ty xi măng Vicem		**750.620.000**	200.000.000	294.800.000		**845.420.000**
11	331_GLH	Công ty TNHH gạch Long Hưng		24.450.000	15.400.000	15.400.000		24.450.000
…	…	…	…	…	…	…	…	…
		Cộng	**410.000.000**	**1.272.097.600**	**225.000.000**	**1.187.934.353**	**560.000.000**	**2.385.031.953**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9,823,436,672	8,785,336,400
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**9,823,436,672**	**8,785,336,400**
4	Giá vốn hàng bán	11		7,780,304,744	7,076,322,611
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**2,043,131,928**	**1,709.013.789**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8,428,052	6,755,771
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24		452,511,274	396,463,251
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		321,387,517	270,185.000
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25))**	**30**		**1,277,661,189**	**1,049121,309**
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**0**	**0**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**1,277,661,189**	**1,049,121,309**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	255,532,238	209,824,262
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**60**		**1,022,128,951**	**839,297,047**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	80			

Chương 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt là Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và thương mại, trong đó thương mại là hoạt động chủ yếu. Trong thời kỳ kinh tế phát triển như hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn về thương mại. Mở rộng quy mô cũng như phát triển hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng hoàn thiện hơn.

Công tác kế toán công nợ tại công ty bên cạnh những ưu điểm còn tồn tại nhiều hạn chế, sau đây là những ưu điểm và hạn chế đó:

3.1.1. Ưu điểm:

Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng hơn

- *Về công tác kế toán:*

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- *Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán*

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng óa một cách dễ dàng.

- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi khống, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những thành tựu đạt được công ty còn tồn tại những hạn chế sau:

- Công ty có một số khoản nợ chưa trích lập nợ phải thu khó đòi

- Công ty chưa có biện pháp cụ thể về thu hồi nợ phải thu.

- Mặc dù đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại, nhưng hệ thống này chỉ đơn thuần áp dụng cho việc soạn thảo hợp đồng, và việc lập các sổ, chứ chưa áp dụng kế toán máy vào quá trình hạch toán.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng cần đổi mới không ngừng nhằm phục vụ cho quá trình quản lý. Nghiệp vụ thanh toán diễn ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ. Nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì sự tồn tại và

phát triển của Doanh nghiệp. Thông qua quá trình ghi chép phản ảnh các nghiệp vụ thanh toán, phân tích, tổng hợp số liệu có thể cho biết sự vận động của tài sản, nguồn vốn. Báo cáo tài chính còn cho các đối tượng quan tâm các thông tin về tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của Doanh nghiệp để có hướng đầu tư đúng đắn cho thời kỳ tới.

Thêm vào đó, tổ chức tốt công tác kế toán thanh toán còn nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung cũng như lành mạnh hóa tài chính trong Doanh nghiệp, góp phần phản ánh trung thực tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ chính sách kinh tế của Nhà nước và các chế độ, chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính. Bởi vì, Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế, muốn tồn tại và phát triển, Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách, chế độ kế toán thì việc kiểm tra kiểm soát của Nhà nước mới có thể thực hiện được. Việc tuân thủ theo chuẩn mực kế toán sẽ giúp việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học.

- Hoàn thiện công tác kế toán với người mua và người bán đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty. Nếu có sự sai lệch trong việc cung cấp thông tin sẽ gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định.

3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế trong công tác kế toán của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt, em thấy công tác kế toán của công ty đã tuân thủ đầy đủ, hợp lý theo các quy định của Nhà nước, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay, song, bên cạnh đó còn nhiều hạn chế, những vấn đề chưa hoàn toàn tối ưu. Sau đây là một số ý kiến của em về công tác kế toán thanh toán của công ty:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc trích lập các khoản phải thu khó đòi

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có khách hàng xảy ra sự cố không thể thanh toán được.

- Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Doanh nghiệp lập mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

- Đối với khoản nợ chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, giải thể hay không thể thanh toán được. Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.
- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp
- Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 159, đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.
- Kết cấu của tài khoản 159: dự phòng phải thu khó đòi

Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

Bên có: Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Số dư bên có:** Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có ở cuối kỳ.

Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng được thể hiện như sau:

+ Nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 6422- Chi phí quản lý Doanh nghiệp

Có TK 229- Dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 229- Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ, kế toán ghi:

Nợ TK 229- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112…

Có TK 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ

Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán) cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112…- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 229- Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có TK 131, 138:…

Ví dụ 3.1: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 thì khoản nợ 54.236.000 của công ty Cổ phần Ánh Dương có hạn thanh toán là 25/06/2014 đã quá hạn 1 năm 6 tháng 6 ngày.

Dựa trên báo cáo tình hình công nợ, kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số dự phòng phải thu khó đòi

54.236.000*50%= 27.118.000

Căn cứ vào số liệu đã tính toán, kế toán ghi:

Nợ TK 642: 27.118.000

Có TK 2293: 27.118.000

3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu

Công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

+ Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112: ……..

Dựa vào lãi suất ngân hàng và hạn thanh toán phần trăm chiết khấu thanh toán cho khách hàng như sau:

(1) Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 1 đến 15 ngày

(2) Chiết khấu 0,8%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày

(3) Chiết khấu 1% đối với khách hàng thanh toán trước trên 30 ngày

Ví dụ 3.2: Ngày 2/12/2015, Công ty TNHH Bảo Gia mua gạch lát sàn với số tiền 320.980.400 (Đã bao gồm Thuế GTGT 10%). Ngày 17/12/2015, công ty thanh toán toàn bộ số tiền hàng trên bằng chuyển khoản. (thanh toán trước 15 ngày so với hạn thanh toán).

Theo quy định về lãi suất chiết khấu khách hàng được hưởng, kế toán tính toán như sau:

Chiết khấu được hưởng = $\frac{(320.980.400*0.6\%)}{31} * 15 = 931.879$

Căn cứ vào số liệu đã tính toán, kế toán ghi:

Nợ TK 635:931.879

Có TK 112: 931.879

3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc tin học hóa công tác kế toán:

Hiện tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

Để phù hợp với tình hình hiện nay tại Doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, hiện đại…Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart

- Giao diện phần mềm kế toán MISA

MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán.MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

- Giao diện phần mềm kế toán Fast

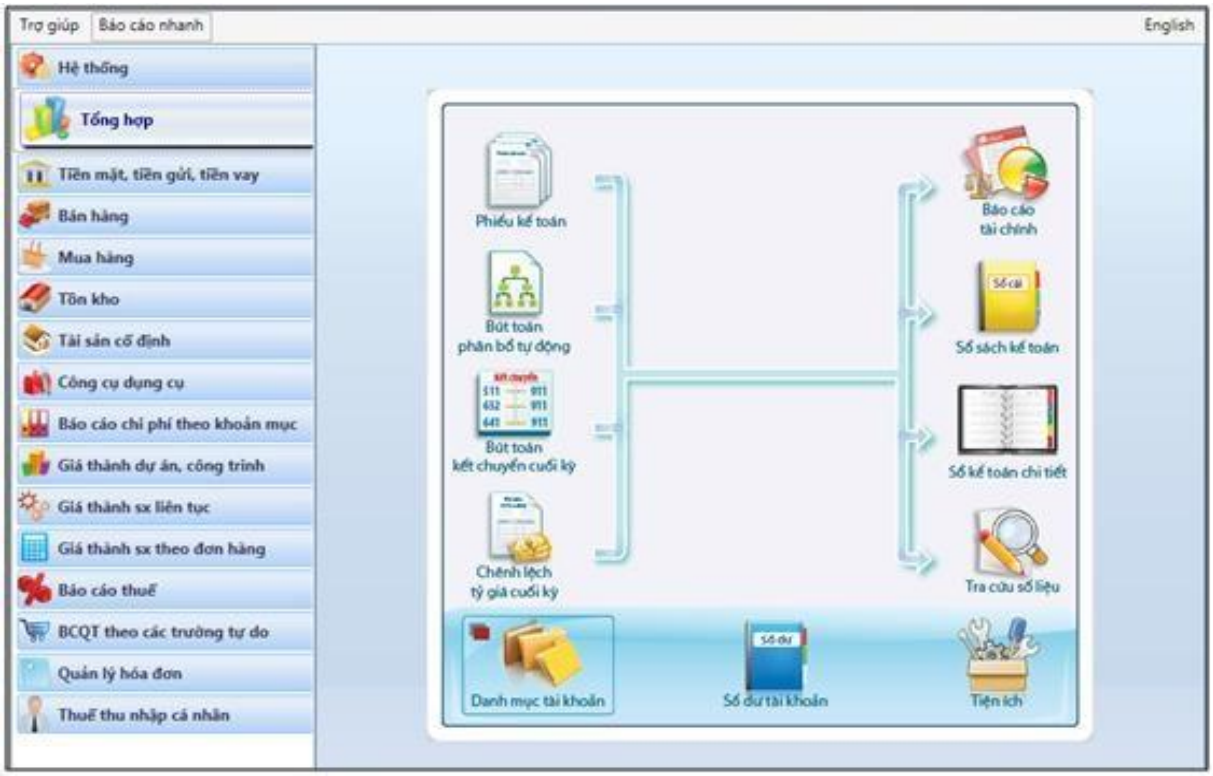

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

- Giao diện phần mềm kế toán Smart

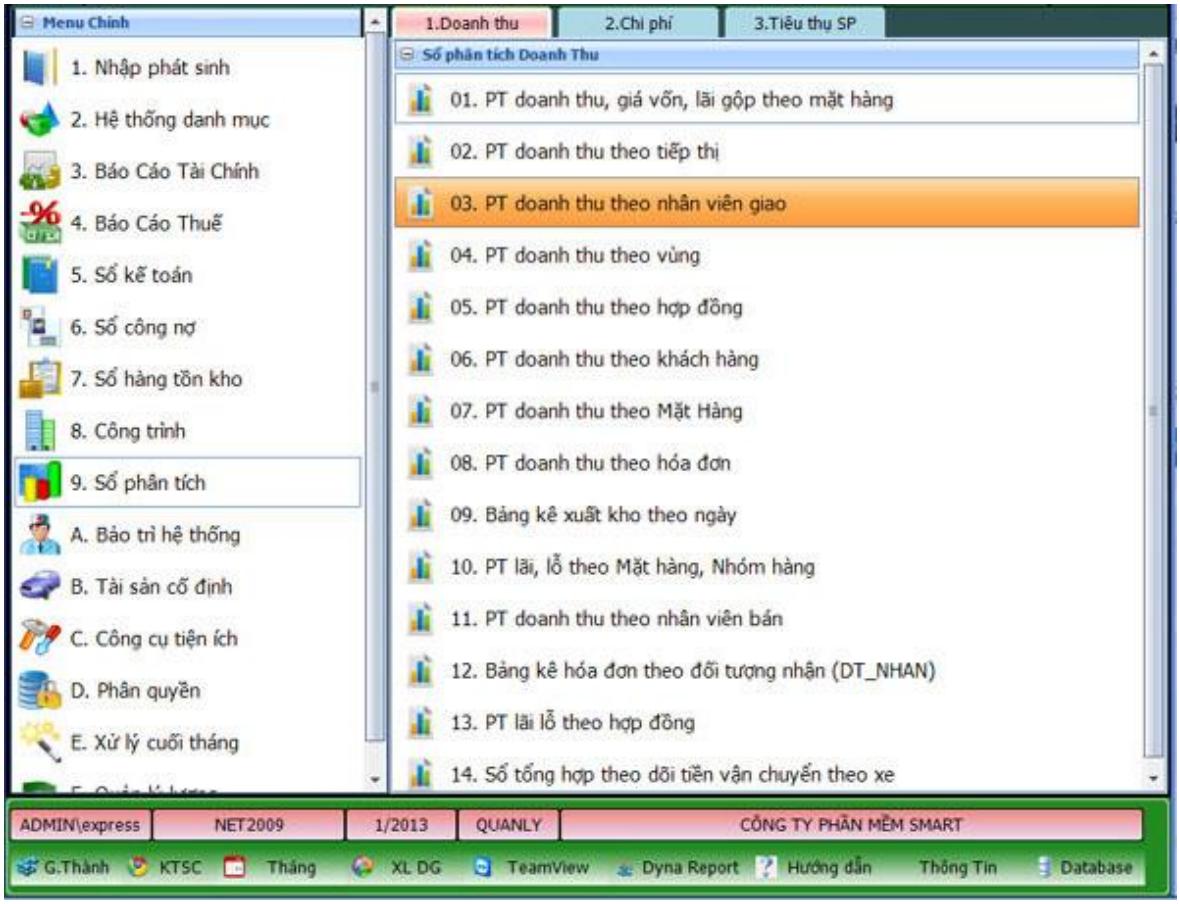

Phù hợp với các doanh nghiệp Xây Dựng, Sản Xuất, Thương Mại,Dịch Vụ, Xuất Nhập Khẩu,… Bên cạnh đó phần mềm kế toán SMART còn hỗ trợ đắc lực cho những cá nhân làm dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm kế toán SMART.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ, có tính bắt buộc cao.

3.5.2. Về phía Doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo công ty cần kiểm tra kiểm soát bộ máy kế toán một cách chặt chẽ.

- Tổ chức công tác kế toán phải đúng theo quy định của luật kế toán và chuẩn mực kế toán

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán phải phù hợp với yêu cầu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán

- Công tác kế toán đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả

Các nguyên tắc trên cần được thực hiện đồng bộ mới có thể tổ chức tốt và hiệu quả công tác kế toán tài chính trong Doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua và người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra những hướng phát triển đúng đắn trong Doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường và thực hiện công tác "Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt" đã giúp em nắm bắt được một số đặc điểm về công tác kế toán ở công ty. Có thể thấy Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt có hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán và công tác kế toán chung tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt như:

- Kiến nghị về việc trích lập các khoản phải thu khó đòi
- Kiến nghị về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu
- Kiến nghị về việc tin học hóa công tác kế toán

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths Phạm Văn Tưởng và của ban lanh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Phạm Văn Tưởng và phòng kế toán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)– Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.

2. Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.

3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.

4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.

5. TS. Bùi Văn Dương (Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.

6. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội.

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2016

Sinh Viên

Hoàng Thị Nhung